

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HSST

Ngày 30-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Ông Nguyễn Đắc Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Bá B, sinh ngày 27-4-1977, tại: Xã H, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá T (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1950; có vợ là Trần Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09-3-2011, bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Bản án số 14/2016/HSPT ngày 04-02-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 07 tháng 07 ngày tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-5-1970, tại: Xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1944; có vợ là Hà Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Đình Đ, sinh ngày 16-9-1988, tại: Xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Ô, sinh năm 1955 và bà Trần Thị T, sinh năm 1961; có vợ là Hoàng Thị C và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Đức T, sinh ngày 25-01-1991, tại: Xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức V (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; có vợ là Đỗ Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Văn D, sinh ngày 01-11-1991, tại: Xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; có vợ là Đỗ Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh ngày 16-6-2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn T, sinh ngày 02-7-1978, tại: Xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết). và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950; có vợ là Đoàn Thị Chinh Y và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 20 ngày 14-01-2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục Suối Hai, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây thời hạn 24 tháng vì có hành vi trộm cắp tài sản của công dân và cố ý gây thương tích. Quyết định số 2841 ngày 19-9-2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục Suối Hai, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây thời hạn 24 tháng vì có hành vi trộm cắp tài sản. Quyết định số 116 ngày 22-01-2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái

Bình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục T Hà, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thời hạn 24 tháng vì có hành vi trộm cắp tài sản. Bản án số 04/2010/HSST ngày 14-01-2010 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 74/2013/HSST ngày 31-10-2013 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo bị bắt tạm giữ từ 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1962; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 11-8-2021, các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Văn T, Trần Đức T và Trần Văn D đến nhà bị cáo Lê Bá B ở thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình chơi. Sau đó, các bị cáo rủ nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh “Liêng” bằng bộ bài Tú lơ khơ 52 quân. Những người tham gia đánh bạc quy định mức đánh thấp nhất là 50.000 đồng/01 người/01 ván, mức cao nhất là 500.000 đồng/01 người/01 ván và thống nhất nếu ai được sấp bỏ ra 200.000 đồng và được đồng hoa bỏ ra 100.000 đồng để mua hoa quả, nước uống cho những người chơi. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn T đến nhà bị cáo B cùng tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, bị cáo T được sấp và đồng hoa đã bỏ ra chiếu số tiền 300.000 đồng để mua hoa quả và nước uống. Đến 10 giờ 45 cùng ngày, các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T đang đánh bạc, bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng và tài sản thu giữ, gồm: tại chiếu bạc số tiền 6.700.000 đồng, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu tre và 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 10.000.000 đồng. Quản lý trên người các đối tượng tổng số tiền 12.950.000 đồng, trong đó (bị cáo Bình 1.500.000 đồng, bị cáo Đ 1.450.000 đồng, bị cáo T 3.500.000 đồng, bị cáo T 1.500.000 đồng, bị cáo T 5.000.000 đồng).

Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 19.650.000 đồng, trong đó: tiền thu trên chiếu bạc là 6.700.000 đồng; thu trên người các bị cáo Lê Bá B 1.500.000 đồng, Trần Đình Đ 1.450.000 đồng, Nguyễn Văn T 3.500.000 đồng, Nguyễn Văn T 1.500.000 đồng và Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 116/CT-VKSHH ngày 20-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân

huyện Hưng Hà để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D vụ án đã nêu trên; các bị cáo khai nhận về số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể như sau: Bị cáo Lê Bá B là chủ nhà, tham gia đánh bạc, sử dụng 400.000 đồng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thắng 1.1000.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo Trần Đình Đ mang theo 13.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thua 1.550.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền 11.450.000 đồng (thu trong người 1.450.000 đồng sử dụng để đánh bạc và 01 ví giả da màu đen bên trong có 10.000.000 đồng bị cáo mang đi để trả nợ anh Nguyễn Văn L); bị cáo Nguyễn Văn T mang theo 3.100.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thắng 400.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền 3.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn T mang theo 3.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thắng 2.000.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn D mang theo 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh không rõ thắng, thua, khi bị bắt để hết tiền ở dưới chiếu bạc; bị cáo Nguyễn Văn T mang theo 1.700.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thua 200.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền 1.500.000 đồng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX):

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Bá B từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T và Trần Văn D, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 và Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo: Lê Bá Bình, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Nguyễn Văn T và Trần Văn D mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu tre, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu trên chiếu bạc là 6.700.000 đồng và số tiền thu trên người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.950.000 đồng. Tổng là 19.650.000 đồng.

Trả lại bị cáo Trần Đình Đ 01 ví giả da màu đen và số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Nguyễn Văn T và Trần Văn D đều đề nghị HĐXX xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng là bà Trần Thị D và anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra bà D và anh L đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án, nên sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ ngày 11-8-2021 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; các Biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ; Kết luận giám định số 67 ngày 14-9-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận về 99 tờ tiền Việt Nam loại polymer: 99 tờ tiền cần giám định là tiền thật; Lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị D và anh Nguyễn

Văn L. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 11-8-2021, tại nhà ở của bị cáo Lê Bá B ở thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; bị cáo Lê Bá Bình có hành vi dùng nhà ở của mình cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh “Liêng” bằng quân bài Tú lơ khơ 52 quân và trực tiếp tham gia đánh bạc. Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 19.650.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo phạm vào tội “Đánh bạc”, do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321: Tội đánh bạc.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vụ án có sự đồng phạm, bị cáo Lê Bá B đã cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền tham gia đánh bạc là 400.000 đồng nên bị cáo giữ vai trò cao nhất trong vụ án; các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T và Trần Văn D tham gia đánh bạc từ đầu, số tiền sử dụng đánh bạc nhiều hơn nên giữ vai trò thứ hai; cuối cùng là bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất và đến tham gia đánh bạc sau.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều T khải khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T và Trần Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Đối với các bị cáo Lê Bá B và Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, đều đã bị xử lý hành chính, đã bị kết án và phải chấp hành án phạt tù nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng, cải tạo mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, răn đe cũng như giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T và Trần Văn D đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi cuộc sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

[7] Các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau bằng tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc chiếu tre, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân đều đã qua sử dụng là những công cụ được các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử thấy: Những tài sản trên là vật mau hỏng không còn giá trị nên tịch thu để tiêu hủy; số tiền 12.950.000 đồng trong phong bì niêm phong số 67/KLGĐTL-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định Vật chứng là tiền thu giữ trên người các đối tượng” và số tiền 6.700.000 đồng trong phong bì niêm phong số 67/KLGĐTL-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định Vật chứng là tiền thu giữ tại chiếu bạc”. Tổng là 19.650.000 đồng, xác định là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; về số tiền 10.000.000 đồng trong phong bì niêm phong số 67/KLGĐTL-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định Vật chứng là tiền thu giữ tại chiếu bạc”, quá trình điều tra xác định số tiền này bị cáo Đ không sử dụng vào việc đánh bạc, bị cáo Đ trong ví giả da mục đích để trả nợ anh Nguyễn Văn L và 01 chiếc ví màu đen là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Đ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả cho bị cáo Đ.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58; Điều 35 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Bá B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Bá B 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-8-2021 đến ngày 17-8-2021.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

4.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.2. Xử phạt bị cáo Trần Đình Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.3 Xử phạt bị cáo Trần Đức T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.4. Xử phạt bị cáo Trần Văn D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.5. Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T và Trần Văn D, mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T và Trần Văn D cho UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 02 chiếc chiếu tre.

5.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) trong phong bì niêm phong số 67/KLGĐTL-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định và Vật chứng là tiền thu giữ tại chiếu bạc” và số tiền 12.950.000 đồng (mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) trong phong bì niêm phong số 67/KLGĐTL-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định Vật chứng là tiền thu giữ trên người các đối tượng”. Tổng số tiền là 19.650.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5.3. Trả lại bị cáo Trần Đình Đ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong phong bì niêm phong số 67/KLGĐTL-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định Vật chứng là tiền thu giữ tại chiếu bạc” và 01 chiếc ví giả da màu đen.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20-10-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Bá B, Nguyễn Văn T, Trần Đình Đ, Trần Đức T, Trần Văn D và Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Chuyên